CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư ICAPITAL

Ngày 31/12/2025	6,640 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.8%	**-**	**14.5%**

DT thuần
Q4/25
0.02
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/25
3.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.3| -90.5%
YoY: ▲ 0.42| 13.3%

LN sau thuế
Q4/25
5.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.6| -84.2%
YoY: ▲ 2.02| 64.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
88580%
YoY: +/-▲ 38469%

ROE
2025
12.3%
YoY: +/-▲ 8.0%

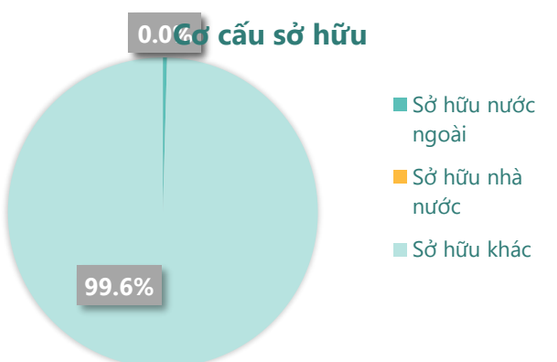
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,100 - 8,580
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
Số lượng CPLH (CP)	32,191,624
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,290
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.46
EPS	1,539
P/E	4.3

DT thuần
2025
0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.02| 53.9%

LN thuần
2025
35.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.3| 93.8%

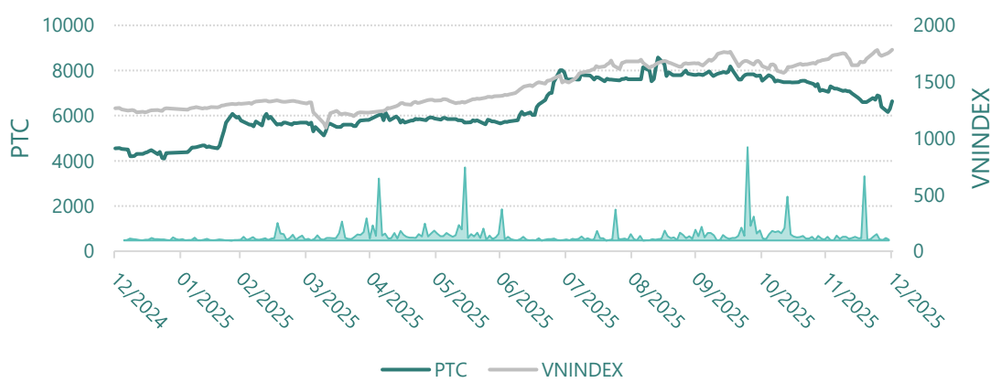
LN sau thuế
2025
49.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.1| 156%

Cơ cấu sở hữu

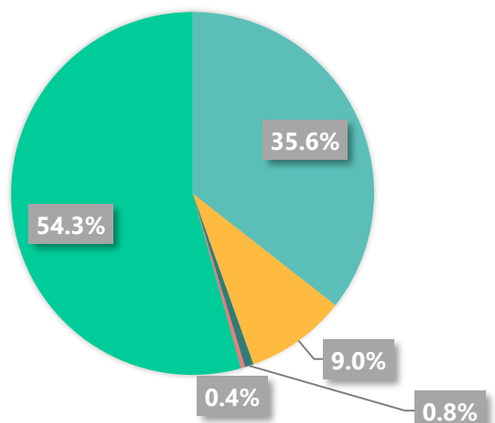


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



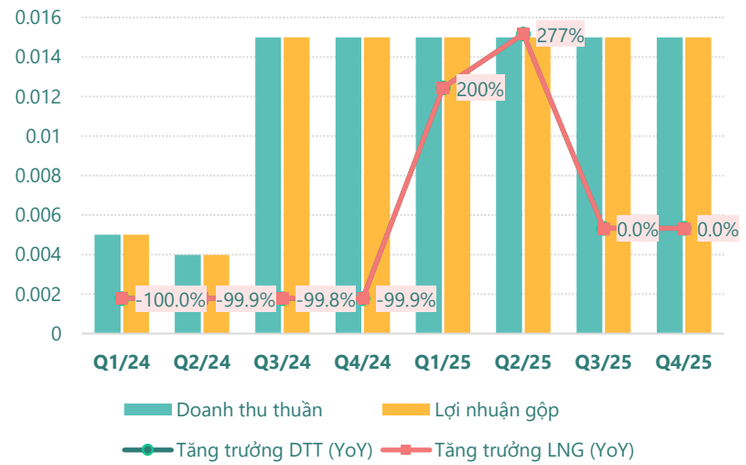
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

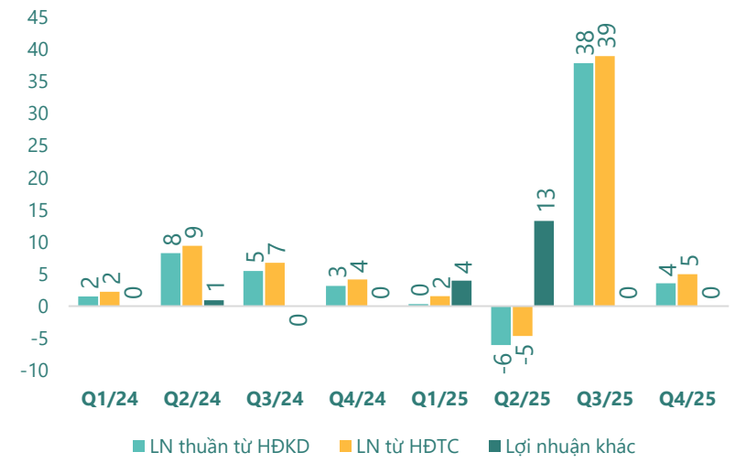
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



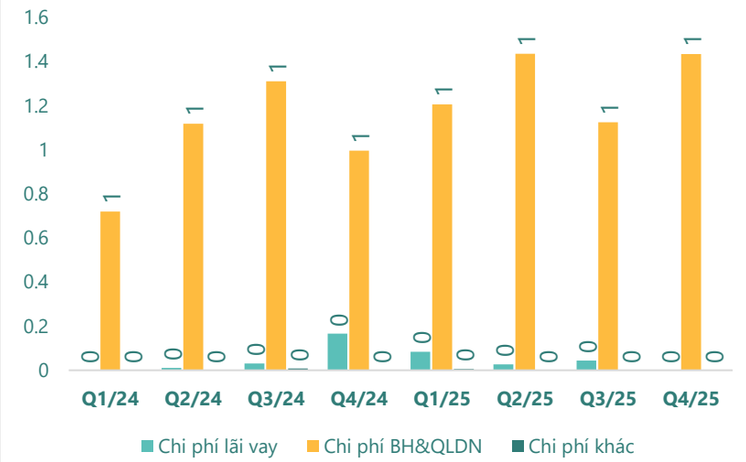
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



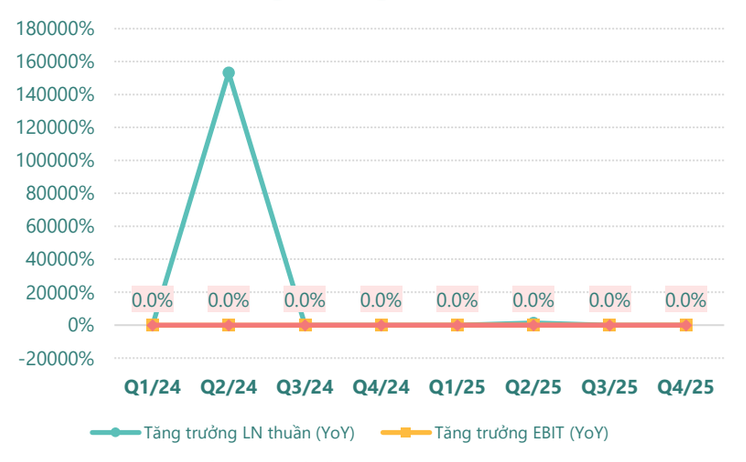
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



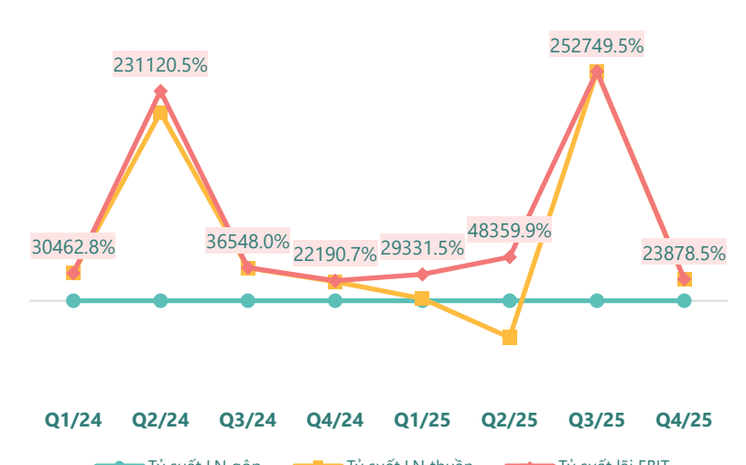
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



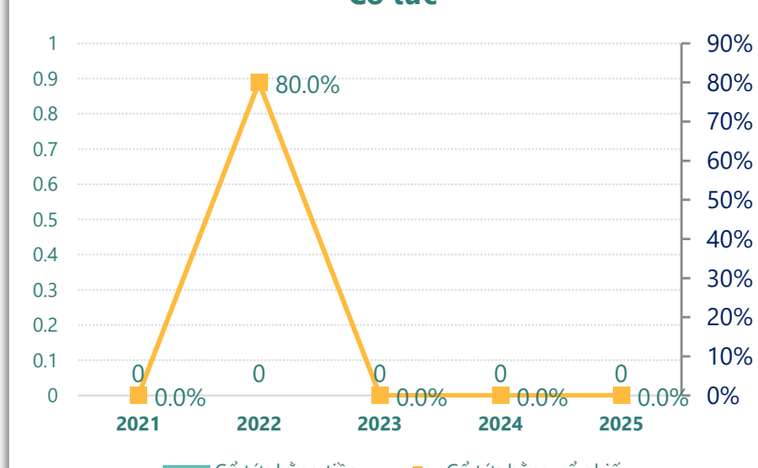
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

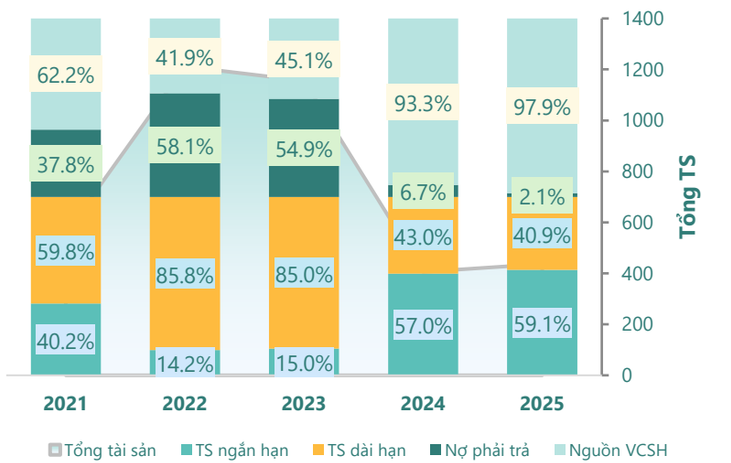
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

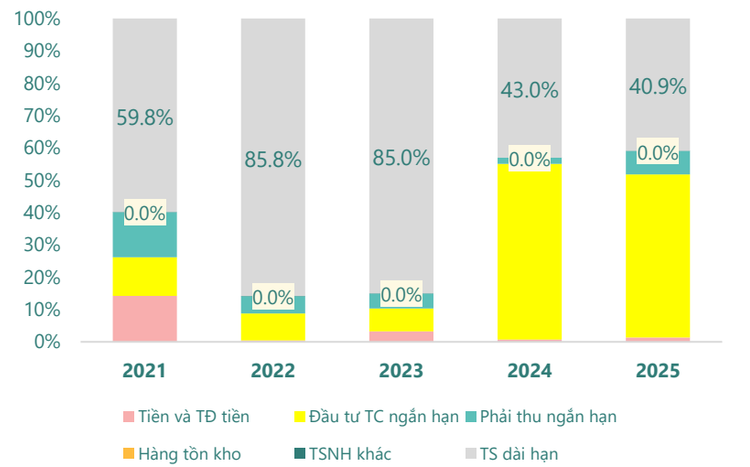
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



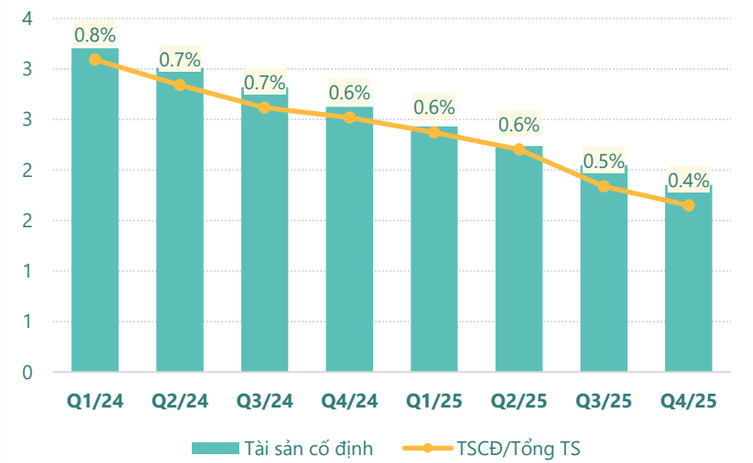
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



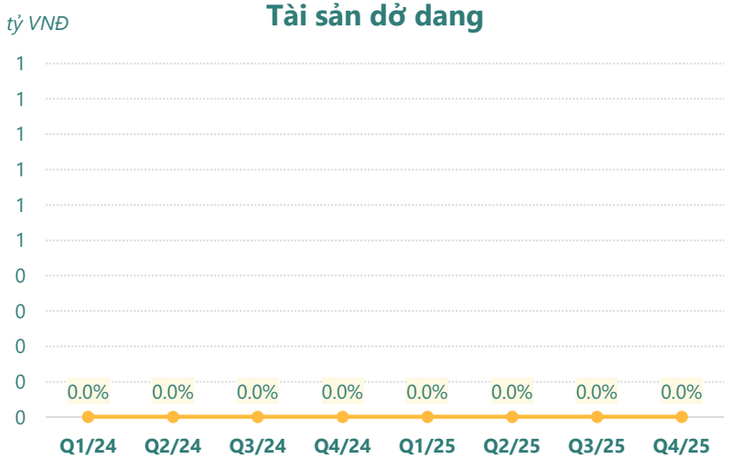
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



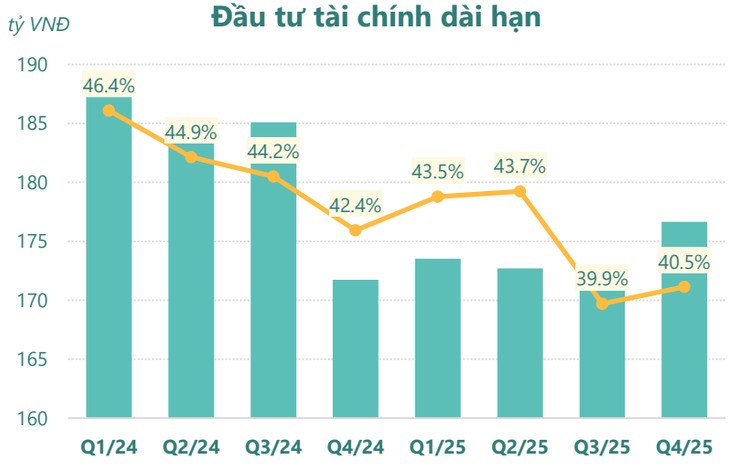
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



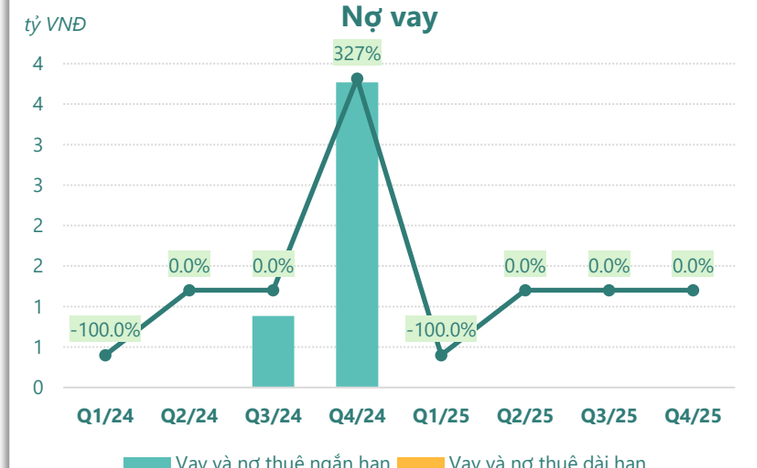
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

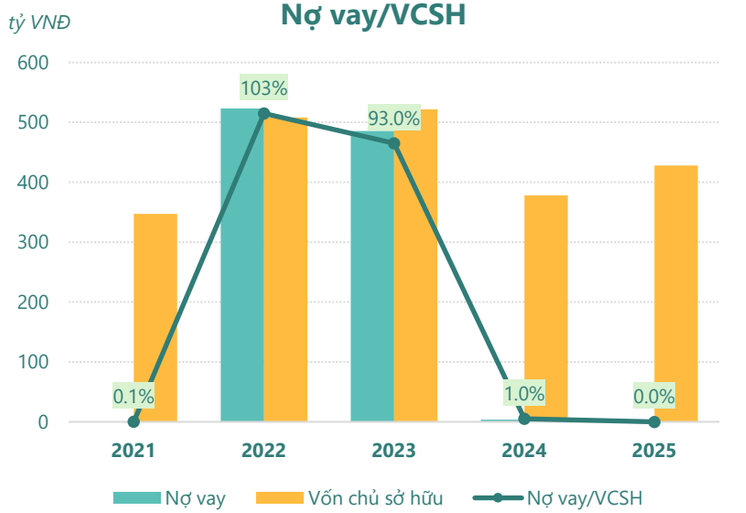
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

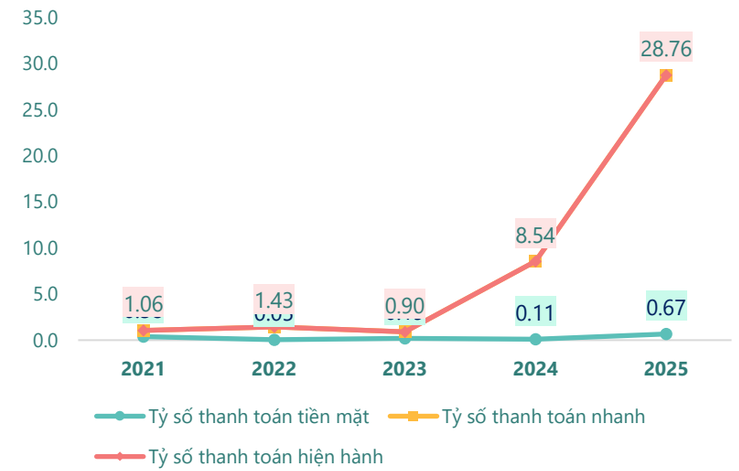
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



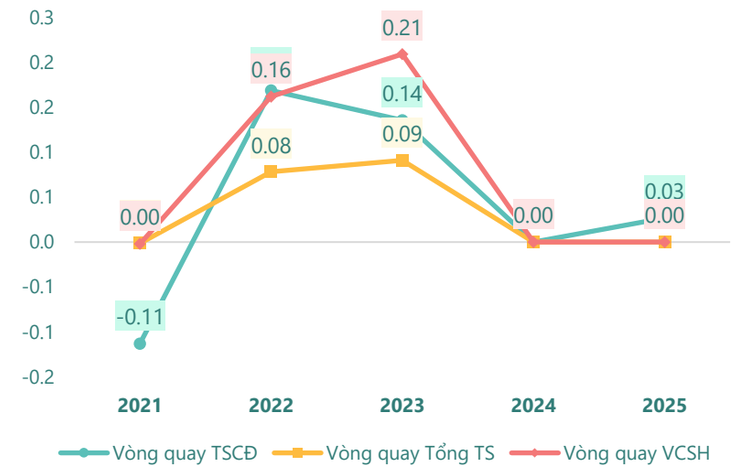
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



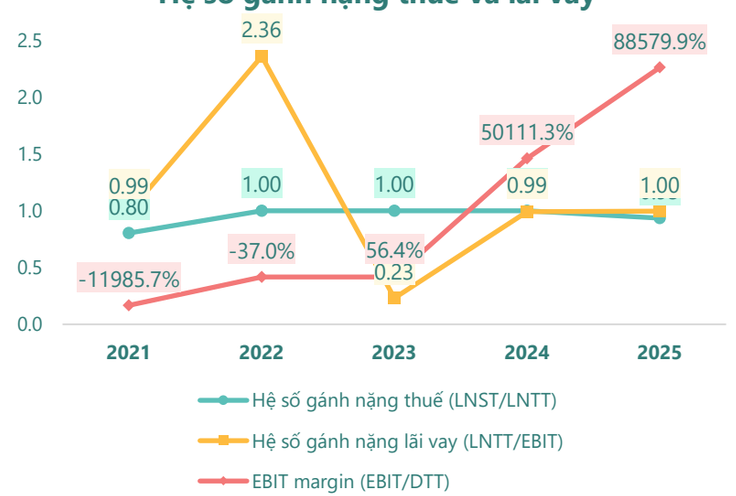
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



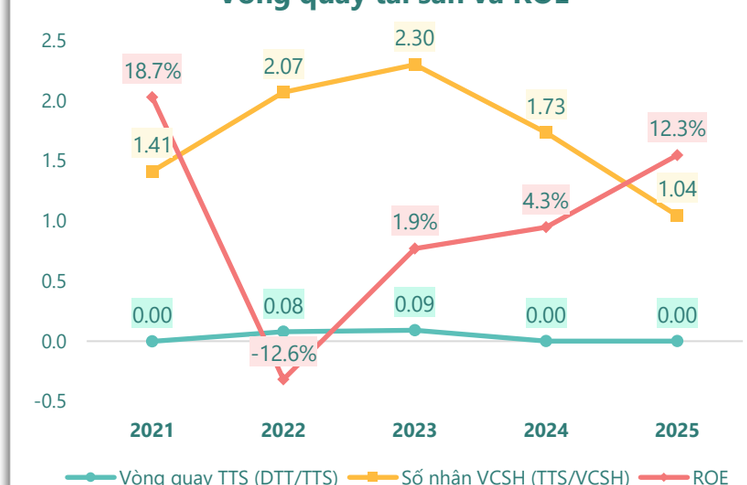
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



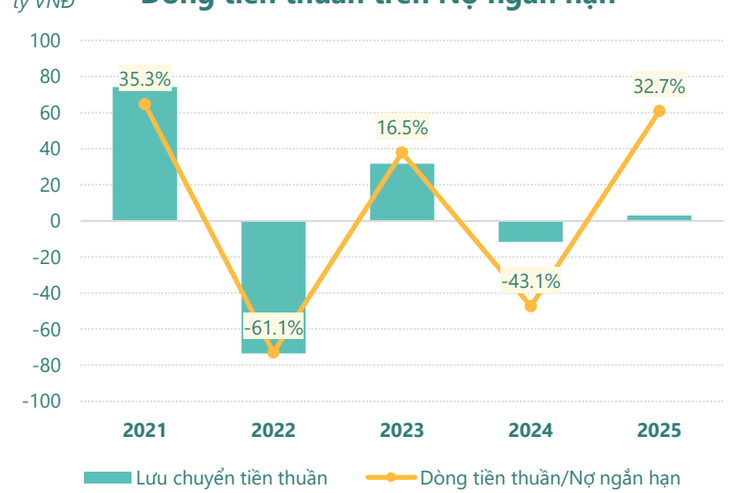
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.02**	**0.02**	**-25.0%**	**0.06**	**0.04**	**53.9%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	0.02	0.02	-25.0%	0.06	0.04	53.9%
Doanh thu HĐTC	13.4	3.36	298%	71.0	25.7	177%
Chi phí TC	8.38	-0.78	1174%	30.1	3.12	867%
Chi phí lãi vay	0	0.17	-100%	0.15	0.18	-12.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.43**	**1.00**	**43.5%**	**5.20**	**4.14**	**25.5%**
LN thuần từ HĐKD	3.58	3.16	13.3%	35.7	18.4	93.8%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**17.3**	**0.92**	**1785%**
LN trước thuế	3.58	3.16	13.3%	53.0	19.4	174%
Lợi nhuận sau thuế	**5.18**	**3.16**	**64.0%**	**49.5**	**19.4**	**156%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.18**	**3.16**	**64.0%**	**49.5**	**19.4**	**156%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-54.6	36.7	6.64	8.21	-17.7	18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.35	2.75	1.54	-0.62	9.80	-19.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	43.8	-40.1	-3.77	0	0	0
Tiền đầu kỳ	11.1	3.69	3.07	7.48	15.1	7.20
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.40**	**-0.62**	**4.41**	**7.59**	**-7.86**	**-1.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.69	3.07	7.48	15.1	7.20	6.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**437**	**405**	**7.8%**
Tài sản ngắn hạn	258	231	11.8%
Tiền và tương đương tiền	6.00	3.07	95.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220	220	0.2%
Phải thu ngắn hạn	31.5	7.57	317%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.31	18.2%
Tài sản dài hạn	**179**	**174**	**2.4%**
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	1.85	2.63	-29.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	177	172	2.9%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-40.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.98	27.0	-66.8%
Nợ ngắn hạn	**8.98**	**27.0**	**-66.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.77	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.41	0.43	-2.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**428**	**378**	**13.1%**
Vốn chủ sở hữu	**428**	**378**	**13.1%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)